TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày: 04/7/ 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Ngọc Bính

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Vũ Hữu Tiến, ông Vùi Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Tuấn – Thư ký TAND tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà*:**

Ông Nguyễn Bá Đoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66 /2024/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Sùng Thị L;Giới tính: Nữ;

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979 tại tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Trồng trọt;Trình độ học vấn: 0/12;

Họ tên cha: Sùng Vảng P (Đã chết);

Họ tên mẹ: Giàng Thị S, sinh năm 1958;

Chồng: Giàng Trừ C, sinh năm 1976;

Con: Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 21 tháng 02 năm 2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L. (Có mặt)

2. Họ và tên: Lò Văn T;Giới tính: Nam;

Sinh ngày 17 tháng 01 năm 2000 tại tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: Bản On, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Trồng trọt;Trình độ học vấn: 09/12;

Họ tên cha: Lò Văn H, sinh năm 1967;

Họ tên mẹ: Lường Thị P1, sinh năm 1975;

Vợ: Lò Thị T1, sinh năm 2000;

Con: Bị cáo có 01 người con sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 19 tháng 02 năm 2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Thị L: Ông Lê Mạnh H1 – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Giàng Trừ C, sinh năm 1976, địa chỉ: Bản H- xã C - huyện M - tỉnh Yên Bái (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 19/02/2024, Lò Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25T1-181.09 của mình đi từ nhà tại bản O, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu đến nhà của Sùng Thị L ở bản H, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái để hỏi mua Heroine sử dụng. Qua trao đổi, T mua được của L 02 gói Heroine (gồm 01 gói nhỏ, 01 gói to) và 01 viên ma túy tổng hợp (Hồng phiến) với giá 600.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, trong lúc L không ở trong nhà, T tự ý lấy ma túy vừa mua được sử dụng bằng hình thức hít hết 01 gói nhỏ Heroine trong nhà L. Số ma tuý còn lại (gồm 01 gói Heroine và 01 viên hồng phiến), T cất giấu trong túi quần bên phải đang mặc rồi điều kiển xe mô tô đi về nhà. Hồi 11 giờ 05 phút cùng ngày, khi Lò Văn T về đến bản O, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu, thì bị Công an xã K phát hiện bắt quả tang, thu giữ số ma túy nêu trên và 01 xe mô tô BKS 25T1-181.09 Tuân dùng để đi mua ma tuý về sử dụng.

Ngày 21/02/2024, khám xét khẩn cấp người, nơi ở đối với Sùng Thị L, cơ quan điều tra đã phát hiện và thu giữ các vật chứng nghi là các loại ma túy khác nhau, gồm: Chất bột màu trắng có tổng khối lượng là 5,41 gam; số viên nén có tổng khối lượng 52,79 gam; số chất nhựa dẻo, màu nâu có tổng khối lượng là 5,41 gam. Ngoài ra còn thu giữ 02 túi vải đa màu sắc dùng cất ma tuý; 02 lọ nhựa màu trắng đựng ma tuý; 01 cân tiểu ly tự chế.

Toàn bộ số ma túy nêu trên, Sùng Thị L tàng trữ trái phép nhằm để bán. Số tiền 600.000 đồng bán ma túy cho T mà có, L đã tiêu sài hết.

* Kết luận giám định số 04/KLGĐ ngày 19/02/2024 của giám định viên tư pháp theo vụ việc; số 236/KL-KTHS ngày 20/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Số chất bộ màu trắng thu giữ của Lò Văn T có khối lượng là 1,45 gam là ma tuý, loại Heroine; 01 viên nén màu hồng có khối lượng là 0,11 gam là ma tuý, loại Methamphetamine.

* Kết luận giám định số 05/KLGĐ ngày 21/02/2024 của giám định viên tư pháp theo vụ việc; số 244/KL-KTHS ngày 24/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của Sùng Thị L có tổng khối lượng là 5,41 gam là ma tuý, loại Heroine; số viên nén thu giữ có tổng khối lượng 52,79 gam là ma tuý, loại Methamphetamine; số chất nhựa dẻo, màu nâu thu giữ có tổng khối lượng là 5,41 gam là ma tuý, loại thuốc phiện.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-P1, ngày 28/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, đã truy tố bị cáo Sùng Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy, quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao cô ca có khối lượng từ 01 kilogam đến 05 kilogam;

b) Heroine, C1, M, A, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

...

h) Có 02 chất ma tuý trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma tuý quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

....

c) Heroine, C1, M, A, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

....

i) Có 02 chất ma tuý trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma tuý quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh đối với các bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi bị bắt cũng như tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 cho các bị cáo. Bản thân các bị cáo đều là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa. Đối với bị cáo Lò Văn T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, khai rõ đặc điểm, vị trí nhà của bị cáo Sùng Thị L, giúp cho Cơ quan điều tra có căn cứ để tiến hành xác minh, khám xét nơi ở của L, phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo L do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Sùng Thị L và điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lò Văn T là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; Bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Sùng Thị L từ 16 năm đến 17 năm tù.

Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điều 38, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 18 đến 24 tháng tù;

Xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Đề nghị tịch thu tiêu huỷ:

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT Công an huyện T. Mặt trước bì niêm phong có ghi: "Vật chứng còn lại 1,20 gam vụ Lò Văn T - tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 19/02/2024". Mặt sau bì công văn các mép được dán kín. Dùng mảnh giấy niêm phong màu trắng dán đè lên mép của phong bì niêm phong và có chữ ký, họ tên của thành phần tham gia niêm phong: Nguyễn Tiến D, Kiều Thị T2, Lý Văn T3, Đỗ Văn T4, đương sự Lò Văn T và 02 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an huyện T. Dùng băng dính màu trong suốt dán chồng lên mảnh giấy niêm phong, phần hình dấu, chữ ký và họ tên của phong bì niêm phong. Theo hồ sơ vật chứng 1,20 gam là ma tuý , loại Heroine.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đựng 01 (một) mảnh nilon màu hồng, 01 (một) mảnh nilon màu trắng và 01 (một) vỏ bì niêm phong ban đầu.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T. Mặt trước bì niêm phong ghi: "Vật chứng còn lại vụ Sùng Thị L - Mua bán trái phép chất ma túy". Mặt sau có mảnh giấy niêm phong màu trắng dán đè lên mép của bì niêm phong, trên mảnh giấy niêm phong có chữ ký, điểm chỉ và họ tên của những người tham gia niêm phong: Phạm Ngọc A1, Tòng Văn T5, Lý Văn T3, Giàng A S1, Đỗ Văn T4, 01 (một) điểm chỉ ngón trỏ phải của đương sự Sùng Thị L và 02 hình dấu tròn của cơ quan CSĐT- Công an huyện T. Có băng dính màu trong suốt dán chồng lên mảnh giấy niêm phong, phần hình dấu, chữ ký, điểm chỉ, họ tên của bì niêm phong. Theo hồ sơ vật chứng bên trong phong bì là ma tuý, loại: Heroine + 4,18 gam; Thuốc phiện = 4,3 gam và M1 (Hồng phiến) = 48,55 gam

02 (hai) túi vải đa sắc màu.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T bên trong đựng 05 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 02 túi nilon màu hồng, 02 túi nilon màu tím, 02 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh nilon màu hồng, 02 lọ nhựa màu trắng.

01 (một) cân tiểu ly đựng trong hộp gỗ, phần hộp gỗ có kích thước tổng chiều dài 26 cm, phần rộng nhất 7,5 cm, phần đuôi cán hẹp nhất có kích thước 2 cm.

Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước:

01 (một) xe mô tô BKS 25T1-181.09; Số khung: RLHJA3925NY121235; Số máy: JA39E2618161; nhãn hiệu HONDA; số loại Wave @; màu sơn: Đen, trắng; xe cũ đã qua sử dụng.

01 giấy đăng ký xe mô tô số 25 (002377); mang tên Lò Văn T, nhãn hiệu: HONDA, số loại: Wave.

Truy thu số tiền 600.000 đồng của bị cáo Sùng Thị L do bán ma tuý cho bị cáo Lò Văn T mà có.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa, cho rằng nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo Sùng Thị L là do trình độ hiểu biết xã hội và pháp luật còn hạn chế; một phần do hoàn cảnh gia đình khó khăn; quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình; bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Sùng Thị L.

Miễn hình phạt bổ xung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo không có ý kiến gì và bị cáo L nhất trí với lời bào chữa, không có ý kiến gì với quyết định truy tố và tranh luận với Viện kiểm sát.

Tại phần tranh luận: Quan điểm của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo cơ bản đều trùng nhau. Tuy nhiên về phần đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy thu 600.000 đồng do bị cáo L phạm tội mà có, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không truy thu số tiền 600.000 đồng với lý do bản thân bị cáo thuộc hộ nghèo, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, số tiền bán ma tuý bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên việc truy thu là khó thi hành. Quá trình tranh tụng đại diện Viện kiểm sát cũng như người bào chữa đã giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Khoảng 08 giờ, ngày 19/02/2024, tại nhà của mình ở bản H, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái, Sùng Thị L đã bán trái phép 1,45 gam Heroine, 0,11 gam Methamphetamine (tổng khối lượng là 1,56 gam ma túy) cho Lò Văn T với giá 600.00 đồng. Hồi 11 giờ 05 phút, ngày 19/02/2024, tại bản On, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu, khi Lò Văn T đang vận chuyển số ma túy trên về nhà mục đích để

sử dụng, thì bị Công an xã K phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Ngoài ra, Sùng Thị L còn tàng trữ Heroine có khối lượng 5,41 gam; Methamphentamine có khối lượng 52,79 gam; Thuốc phiện có khối lượng 5,41 gam nhằm mục đích để bán.

Như vậy, tổng khối lượng ma tuý mà Sùng Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự là: 6,86 Heroine (gồm 5,41 gam thu giữ của Lỳ + 1,45 gam thu giữ của T do L bán cho); 52,9 Methamphetamine (gồm 52,79 gam thu giữ của Lỳ + 0,11 gam thu giữ của T do L bán cho và 5,41 gam thuốc phiện. Tổng khối lượng ma túy T phải chịu trách nhiệm hình sự là: 1,45 gam Heroine và 0,11 gam Methamphetamine. Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì:

- Sùng Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng các chất ma túy là: 52,79% Methamphetamine + 6,86% Heroine + 0,1082% Thuốc phiện = 59,8682% (dưới 100%). Do đó, hành vi của Sùng Thị L đã phạm vào điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Lò Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng các chất ma túy là: 0,11 gam Methamphetamine + 1,45 gam Heroine = 1,56 gam. Do đó, hành vi của Lò Văn T đã phạm vào điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Sùng Thị L và Lò Văn T là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước ta đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng tới trật tự, an toàn xã hội của địa phương và còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lời và mục đích cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Các bị cáo đều nhận thức rõ Đảng, Nhà nước ta cấm triệt để mọi hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ … trái phép chất ma túy, nhưng do muốn có tiền để chi tiêu và để đáp ứng nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã coi thường pháp luật, cố tình thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo Sùng Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 BLHS, Hành vi của bị cáo Lò Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", được quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 249 BLHS. Việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên toà ngày hôm nay là cần thiết, nhằm răn đe, giáo dục, làm gương cho những người có tư tưởng phạm tội, chuẩn bị phạm tội và cũng là công tác giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Căn cứ mục đích, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo, tính nguy hiểm cho xã hội, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng một mức hình phạt

nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã thuộc khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Đối với bị cáo T, sau khi bị bắt bị cáo đã tích cực giúp đỡ cơ quan Điều tra phát hiện bắt giữ đối tượng Sùng Thị L và giúp cơ quan Điều tra nhanh chóng giải quyết vụ án. Do vậy khi L1 hình Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo T. Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Sùng Thị L.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của các bị cáo, đưa ra các căn cứ buộc tội đối với từng bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với từng bị cáo, hướng xử lý vật chứng, miễn hình phạt bổ sung, án phí cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp lý, phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa của mình đối với bị cáo Sùng Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS cho bị cáo Sùng Thị L và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; miễn hình phạt bổ sung; miễn án phí cho bị cáo, không truy thu số tiền 600.000 đồng do bị cáo bán ma tuý cho bị cáo T bị cáo đã chi tiêu hết, gia đình bị cáo khó khăn nên việc truy thu là khó thực hiện được. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, cần chấp nhận một phần.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xét thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo là khó khăn, công việc và thu nhập không ổn định,. Do vậy việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là không khả

thi, khó thi hành án. Vì vậy, cần áp dụng khoản 5 Điều 249; Khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án gồm:

Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Đề nghị tịch thu tiêu huỷ:

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT Công an huyện T. Mặt trước bì niêm phong có ghi: "Vật chứng còn lại 1,20 gam vụ Lò văn T6 - tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 19/02/2024". Mặt sau bì công văn các mép được dán kín. Dùng mảnh giấy niêm phong màu trắng dán đè lên mép của phong bì niêm phong và có chữ ký, họ tên của thành phần tham gia niêm phong: Nguyễn Tiến D, Kiều Thị T2, Lý Văn T3, Đỗ Văn T4, đương sự Lò Văn T và 02 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an huyện T. Dùng băng dính màu trong suốt dán chồng lên mảnh giấy niêm phong, phần hình dấu, chữ ký và họ tên của phong bì niêm phong. Theo hồ sơ vật chứng , 1,20 gam là ma tuý loại Heroine.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đựng 01 (một) mảnh nilon màu hồng, 01 (một) mảnh nilon màu trắng và 01 (một) vỏ bì niêm phong ban đầu.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T. Mặt trước bì niêm phong ghi: "Vật chứng còn lại vụ Sùng Thị L - Mua bán trái phép chất ma túy". Mặt sau có mảnh giấy niêm phong màu trắng dán đè lên mép của bì niêm phong, trên mảnh giấy niêm phong có chữ ký, điểm chỉ và họ tên của những người tham gia niêm phong: Phạm Ngọc A1, Tòng Văn T5, Lý Văn T3, Giàng A S1, Đỗ Văn T4, 01 (một) điểm chỉ ngón trỏ phải của đương sự Sùng Thị L và 02 hình dấu tròn của cơ quan CSĐT- Công an huyện T. Có băng dính màu trong suốt dán chồng lên mảnh giấy niêm phong, phần hình dấu, chữ ký, điểm chỉ, họ tên của bì niêm phong. Theo hồ sơ vật chứng bên trong phong bì là ma tuý, loại: Heroine + 4,18 gam; Thuốc phiện = 4,3 gam và M1 (Hồng phiến) = 48,55 gam

02 (hai) túi vải đa sắc màu.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T bên trong đựng 05 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 02 túi nilon màu hồng, 02 túi nilon màu tím, 02 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh nilon màu hồng, 02 lọ nhựa màu trắng.

01 (một) cân tiểu ly đựng trong hộp gỗ, phần hộp gỗ có kích thước tổng chiều dài 26 cm, phần rộng nhất 7,5 cm, phần đuôi cán hẹp nhất có kích thước 2 cm.

Tịch thu hoá giá xung quỹ Nhà nước:

01 (một) xe mô tô BKS 25T1-181.09; Số khung: RLHJA3925NY121235; Số máy: JA39E2618161; nhãn hiệu HONDA; số loại Wave @; màu sơn: Đen, trắng; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

01 giấy đăng ký xe mô tô số 25 (002377); mang tên Lò Văn T, nhãn hiệu: HONDA, số loại: Wave.

Truy thu số tiền 600.000 đồng bị cáo đã bán ma tuý cho Lò Văn T mà có.

[6] Về những vấn đề khác liên quan:

(1) Theo lời khai của Sùng Thị L, thì khối lượng các chất ma túy liên quan trong vụ án là do L mua của 01 người đàn ông và 01 người phụ nữ lạ mặt vào ngày 09 và 11/02/2024 mà có: Tuy nhiên, kết quả điều tra không xác định được nhân thân của những người này, do đó không có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

(2) Theo lời khai của Lò Văn T: Ngày 19/02/2024, khi đến mua ma tuý thì T đặt vấn đề với Giàng Trừ C (chồng của L), thì được C chỉ ra hỏi giao dịch với Sùng Thị L là vợ: Kết quả điều tra Giàng Trừ C không thừa nhận việc này, Sùng Thị L khẳng định việc mua bán chỉ có L và T, C không biết. Trong hồ sơ chỉ có lời khai duy nhất của T, không có tài liệu khác chứng minh nên không đủ cơ kết luận Giàng Trừ Chua đồng phạm với Sùng Thị L về tội mua bán trái phép chất ma tuý quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Sùng Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"

Bị cáo Lò Văn T phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng Thị L 17 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (21/02/2024)

Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (19/02/2024)

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT Công an huyện T. Mặt trước bì niêm phong có ghi: "Vật chứng còn lại 1,20 gam vụ Lò văn T6 - tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 19/02/2024". Mặt sau bì công văn các mép được dán kín. Dùng mảnh giấy niêm phong màu trắng dán đè lên mép của phong bì niêm phong và có chữ ký, họ tên của thành phần tham gia niêm phong: Nguyễn Tiến D, Kiều Thị T2, Lý Văn T3, Đỗ Văn T4, đương sự Lò Văn T và 02 hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT - Công an huyện T. Dùng băng dính màu trong suốt dán chồng lên mảnh giấy niêm phong, phần hình dấu, chữ ký và họ tên của phong bì niêm phong. Theo hồ sơ vật chứng , 1,20 gam là ma tuý loại Heroine.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đựng 01 (một) mảnh nilon màu hồng, 01 (một) mảnh nilon màu trắng và 01 (một) vỏ bì niêm phong ban đầu.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T. Mặt trước bì niêm phong ghi: "Vật chứng còn lại vụ Sùng Thị L - Mua bán trái phép chất ma túy". Mặt sau có mảnh giấy niêm phong màu trắng dán đè lên mép của bì niêm phong, trên mảnh giấy niêm phong có chữ ký, điểm chỉ và họ tên của những người tham gia niêm phong: Phạm Ngọc A1, Tòng Văn T5, Lý Văn T3, Giàng A S1, Đỗ Văn T4, 01 (một) điểm chỉ ngón trỏ phải của đương sự Sùng Thị L và 02 hình dấu tròn của cơ quan CSĐT- Công an huyện T. Có băng dính màu trong suốt dán chồng lên mảnh giấy niêm phong, phần hình dấu, chữ ký, điểm chỉ, họ tên của bì niêm phong. Theo hồ sơ vật chứng bên trong phong bì là ma tuý, loại: Heroine + 4,18 gam; Thuốc phiện = 4,3 gam và M1 (Hồng phiến) = 48,55 gam

02 (hai) túi vải đa sắc màu.

01 (một) phong bì Công văn Cơ quan CSĐT - Công an huyện T bên trong đựng 05 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 02 túi nilon màu hồng, 02 túi nilon màu tím, 02 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh nilon màu hồng, 02 lọ nhựa màu trắng.

01 (một) cân tiểu ly đựng trong hộp gỗ, phần hộp gỗ có kích thước tổng chiều dài 26 cm, phần rộng nhất 7,5 cm, phần đuôi cán hẹp nhất có kích thước 2 cm.

Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước:

01 (một) xe mô tô BKS 25T1-181.09; Số khung: RLHJA3925NY121235; Số máy: JA39E2618161; nhãn hiệu HONDA; số loại Wave @; màu sơn: Đen, trắng; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

01 giấy đăng ký xe mô tô số 25 (002377); mang tên Lò Văn T, nhãn hiệu: HONDA, số loại: Wave.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 05 phút, ngày 04/6/2024 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

Buộc bị cáo Sùng Thị L phải nộp số tiền truy thu là 600.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

3. Án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 332; 333 các bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- CA tỉnh Lai Châu (PC04;PV06;PC11);
- Người bào chữa;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS – HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Bính